

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



Tp Hà Nội - Tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 6
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	8 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần thiết kế công nghiệp hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 08 năm 2011.

Vốn điều lệ của công ty :

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 vốn điều lệ của công ty là : 17.579.520.000 đồng với tổng số cổ phần là 1.757.952 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 9.275.400.000đ (927.540CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 8.304.120.000đ (830.412CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 21A - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 hoạt động chính của công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và lần 7 ngày 04 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là;

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 31 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn của Công ty TNHH SAM YOUNG là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài của hai thành viên sáng lập là Ông Sun Byung Chul (Giám đốc) và Bà Sun Haes/Him để tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam. Ngày 02/02/2012 Công ty Cổ phần Máy và TBCN đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3602715353. Trong đó cơ cấu góp vốn của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất là 55,33% tương ứng với số tiền là 8.300.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2011, do công ty Cổ phần Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam chưa thành lập nên các khoản liên quan đến đầu tư vào Công ty Con chưa được thành lập đang được theo dõi trên khoản mục tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn khác. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc theo dõi như trên là đã thận trọng và hợp lý trong việc trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2011.

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2011 Công ty có sự thay đổi các nhân sự của HĐQT và Ban kiểm soát do hết thời gian của nhiệm kỳ và thay đổi một số Thành viên ban Giám đốc công ty cụ thể theo từng thời gian thay đổi như sau :

Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc điều hành hoạt động của công ty từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/04/2011 như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị :

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Đỗ Hiến Ngang	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Bang	Thành viên
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
- Ông Phan Hoài Thanh	Thành viên
- Ông Đinh Văn Du	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên
- Ông Phạm Hữu Khắc	Thành viên

Thành viên ban giám đốc và kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Đỗ Hiến Ngang	Giám đốc công ty
- Ông Phan Hoài Thanh	Phó Giám đốc
- Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc (Từ 1/2/2011)
- Ông Đinh Đức Bộ	Kế toán trưởng

Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc điều hành hoạt động của công ty từ ngày 01/05/2011 đến ngày 30/06/2011 như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị :

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Đỗ Hiến Ngang	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
- Ông Phan Hoài Thanh	Thành viên
- Ông Đinh Đức Bộ	Thành viên
- Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên

Thành viên ban giám đốc và kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Đỗ Hiến Ngang	Giám đốc công ty
- Ông Phan Hoài Thanh	Phó Giám đốc

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

- Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc
- Ông Đinh Đức Bộ	Kế toán trưởng

Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc điều hành hoạt động của công ty từ ngày 01/07/2011 đến nay:

Thành viên Hội đồng quản trị :

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Đỗ Hiên Ngang	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
- Ông Phan Hoài Thanh	Thành viên
- Ông Đinh Đức Bộ	Thành viên
- Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên

Thành viên ban giám đốc và kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc công ty
- Ông Phan Hoài Thanh	Phó Giám đốc
- Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
- Ông Đinh Đức Bộ	Kế toán trưởng

Trụ sở chính của công ty tại số : 21A - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc công ty như sau :

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất :
Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi :
Số 61 - Trương Định, Phường Trần phú, thành phố Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ :
Đường Nguyễn Tất thành, phường Tân dân, TP Việt Trì.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng :
Số 1/70 Văn Cao, P.Bạch đằng quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội :
Đường Phương Canh, xã Xuân Phương- Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

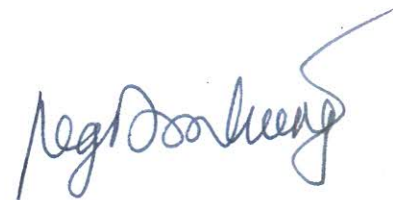
Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.



Đỗ Hiên Ngang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Số: 012/2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 08 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0295/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2012

Lại Văn Hùng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0907/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.982.879.103	82.357.501.540
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	11.827.404.087	17.275.775.788
1. Tiền	111		8.650.289.919	10.997.346.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.177.114.168	6.278.429.772
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.558.533.173	53.783.554.407
1. Phải thu khách hàng	131		27.137.494.914	40.347.320.489
2. Trả trước cho người bán	132		9.608.288.184	13.390.865.322
3. Các khoản phải thu khác	135	4	671.359.075	873.977.596
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(858.609.000)	(828.609.000)
III- Hàng tồn kho	140	5	28.165.950.245	6.797.975.672
1. Hàng tồn kho	141		28.165.950.245	6.797.975.672
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.430.991.598	4.500.195.673
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	101.285.124
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	38.500.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.365.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.426.626.598	4.360.410.549
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.933.659.720	8.639.207.362
I- Tài sản cố định	220		13.420.197.068	7.474.650.934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	11.661.734.643	6.687.817.600
- Nguyên giá	222		20.595.037.147	14.090.639.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.933.302.504)	(7.402.821.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	764.833.334	786.833.334
- Nguyên giá	228		829.000.000	829.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.166.666)	(42.166.666)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	993.629.091	-
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	234.000.000	234.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		234.000.000	234.000.000
II- Tài sản dài hạn khác	260		3.279.462.652	930.556.428
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.699.018.750	283.060.528
2. Tài sản dài hạn khác	268		580.443.902	647.495.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.916.538.823	90.996.708.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

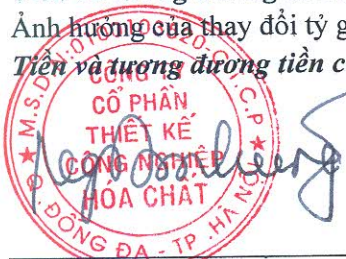
Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		69.757.423.601	62.862.838.006
I- Nợ ngắn hạn	310		69.747.110.628	62.847.807.779
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	16.358.811.472	10.952.960.000
2. Phải trả người bán	312		9.871.118.801	13.779.793.493
3. Người mua trả tiền trước	313		30.885.959.832	11.294.828.315
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.892.745.136	4.671.997.425
5. Phải trả người lao động	315		1.453.305.817	3.691.082.719
6. Chi phí phải trả	316	13	8.499.085.045	17.497.942.360
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.795.508.437	1.360.479.173
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(1.009.423.912)	(401.275.706)
II- Nợ dài hạn	330		10.312.973	15.030.227
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.312.973	15.030.227
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.159.115.222	28.133.870.896
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	27.238.081.345	27.627.357.019
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.579.520.000	17.579.520.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.010.779)	(6.693.275)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.057.829.101	3.382.012.184
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		736.156.144	476.347.619
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.866.586.879	6.196.170.491
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(78.966.123)	506.513.877
1. Nguồn kinh phí	432	16	(78.966.123)	506.513.877
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.916.538.823	90.996.708.902

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	123.259.806.927	135.056.587.053
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(50.094.070.499)	(81.718.696.708)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.484.401.099)	(24.064.789.923)
4. Tiền chi trả lãi vay	05	(2.650.176.754)	(1.134.036.320)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.063.686.871)	(653.259.006)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.377.908.566	41.806.471.699
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(65.737.849.560)	(67.119.625.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.392.469.290)	2.172.651.123
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(715.795.421)	(1.243.205.928)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	55.494.163	600.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.044.429.772)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.867.315.604	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	969.958.959	391.816.763
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.176.973.305	(6.295.818.937)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	7.813.120.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22.228.000.000	29.087.960.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.822.148.528)	(21.735.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.636.928.000)	(489.129)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.768.923.472	15.165.590.871
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.446.572.513)	11.042.423.057
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.275.775.788	6.240.046.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	(1.799.188)	(6.693.275)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.827.404.087	17.275.775.788



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 08 năm 2011.

Vốn điều lệ của công ty

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 vốn điều lệ của công ty là : 17.579.520.000 đồng với tổng số cổ phần là 1.757.952 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP .Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 9.275.400.000đ (927.540CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác : 8.304.120.000đ (830.412CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 hoạt động chính của công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và lần 7 ngày 04 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là;

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thăm tra, thăm

đình các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Trụ sở chính của công ty tại số : 21A - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc công ty như sau :

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất
Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi
Số 61 - Trương Định, Phường Trần phú, thành phố Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ
Đường Nguyễn Tất thành, phường Tân dân, TP Việt Trì.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng
Số 1/70 Văn Cao, P.Bạch đằng quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội
Đường Phương Canh, xã Xuân Phương- Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 28
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy vi tính	03 – 05
Quyền sử dụng đất	20 – 50

Tài sản cố định liên quan đến việc mua lại của Công ty TNHH SAM YOUNG mục đích để đầu tư góp vốn vào công ty Cổ phần Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam tạm thời công ty chưa trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo sau:

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, có biên bản nghiệm thu, bảng thanh toán khối lượng được chủ đầu tư xác nhận, bảng tổng hợp kinh phí hoàn thành, phiếu giá thanh toán (nếu có) và bản thanh lý hợp đồng mà không phụ thuộc vào thu tiền.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

3. TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	618.965.920	1.226.059.081
Tiền gửi ngân hàng	8.031.323.999	9.771.286.935
Các khoản tương đương tiền	3.177.114.168	6.278.429.772
Cộng	11.827.404.087	17.275.775.788

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động</i>	312.826.497	384.449.084
<i>Phải thu Xưởng Cơ khí Long Thành</i>		264.060.652
<i>Các khoản phải thu khác</i>	358.532.578	225.467.860
Cộng	671.359.075	873.977.596

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.165.950.245	6.797.975.672
Cộng giá gốc hàng tồn kho	28.165.950.245	6.797.975.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	28.165.950.245	6.797.975.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	5.707.291.420	3.548.149.809	3.734.720.512	1.100.477.597	14.090.639.338
Tăng trong năm	5.741.699.096	399.157.350	-	363.541.363	6.504.397.809
Mua trong năm		25.430.000		363.541.363	388.971.363
Tăng khác (*)	5.741.699.096	373.727.350			6.115.426.446
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	11.448.990.516	3.947.307.159	3.734.720.512	1.464.018.960	20.595.037.147
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	4.165.677.784	1.052.799.549	1.736.882.237	447.462.168	7.402.821.738
Tăng trong năm	221.333.680	664.981.684	309.696.498	334.468.904	1.530.480.766
Khấu hao trong năm	221.333.680	664.981.684	309.696.498	334.468.904	1.530.480.766
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	4.387.011.464	1.717.781.233	2.046.578.735	781.931.072	8.933.302.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	1.541.613.636	2.495.350.260	1.997.838.275	653.015.429	6.687.817.600
Tại 31/12/2011	7.061.979.052	2.229.525.926	1.688.141.777	682.087.888	11.661.734.643

(*) Giá trị tài sản Công ty đã hoàn tất việc Nhận chuyển nhượng 100% vốn của Công ty TNHH SAM YOUNG là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài của hai thành viên sáng lập là Ông Sun Byung Chul (Giám đốc) và Bà Sun Haes/Him để tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	719.000.000	110.000.000	829.000.000
Số dư tại 31/12/2011	719.000.000	110.000.000	829.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011		42.166.666	42.166.666
Tăng trong năm		22.000.000	22.000.000
Khấu hao trong năm		22.000.000	22.000.000
Số dư tại 31/12/2011		64.166.666	64.166.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2011		67.833.334	786.833.334
Tại 31/12/2011		45.833.334	764.833.334

(*) TSCĐ vô hình khác là Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa lớn	993.629.091	-
Cộng	993.629.091	-

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác	234.000.000	234.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (*)	234.000.000	234.000.000
Cộng	234.000.000	234.000.000

(*) Khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh theo cam kết góp 6,5% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	753.299.544	283.060.528
<i>Lợi thế thương mại</i>	1.080.208.554	
<i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>	865.510.652	
Cộng	2.699.018.750	283.060.528

(*) Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản mua của Công ty TNHH Sam Yuong.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn (*)	16.358.811.472	10.952.960.000
Cộng	16.358.811.472	10.952.960.000

(*) Vay ngắn hạn bao gồm:

+ Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng tín dụng số 07/HĐTĐ ngày 10/11/2011: 2.130.811.472 đồng, lãi suất 18%/năm, kỳ hạn 5 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động.

+ Vay cán bộ công nhân viên công ty: 14.228.000.000 đồng (Trong đó: tại VP Công ty là 8.255.000.000 đồng; tại Chi nhánh Phú Thọ là 3.220.000.000 đồng; tại Chi nhánh Hải Phòng là 2.753.000.000 đồng). Lãi suất vay từ 19,4% đến 22% năm, kỳ hạn từ 6-12 tháng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.177.666.844	3.766.756.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	711.811.175	819.969.087
Thuế thu nhập cá nhân	3.267.117	85.271.531
Cộng	1.892.745.136	4.671.997.425

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải trả khác		
<i>Trích trước các chi phí các công trình đã ghi nhận doanh thu</i>	8.220.710.301	17.497.942.360
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	278.374.744	
Cộng	8.499.085.045	17.497.942.360

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	447.045.349	514.428.835
Bảo hiểm xã hội	8.755.449	53.067.784
Bảo hiểm thất nghiệp	89.717.044	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.249.990.595	792.982.554
<i>Phải trả khoản vay cá nhân tại CNHCM Công ty cổ phần Tuấn Lâm</i>	<i>600.000.000</i>	<i>600.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>100.991.045</i>	<i>192.982.554</i>
Cộng	1.795.508.437	1.360.479.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2010	9.766.400.000		3.528.132.184	476.347.619	79.939.000		13.850.818.803
Tăng trong năm	7.813.120.000	-	-	-	-	6.196.170.491	14.009.290.491
Tăng vốn năm trước	7.813.120.000						7.813.120.000
Lãi kinh doanh						6.196.170.491	6.196.170.491
Giảm trong năm	-	6.693.275	146.120.000	-	79.939.000	-	232.752.275
Giảm khác		6.693.275	146.120.000		79.939.000		232.752.275
Số dư tại 31/12/2010	17.579.520.000	(6.693.275)	3.382.012.184	476.347.619	-	6.196.170.491	27.627.357.019
Số dư tại 01/01/2011	17.579.520.000	(6.693.275)	3.382.012.184	476.347.619	-	6.196.170.491	27.627.357.019
Tăng trong năm	-	6.693.275	1.675.816.917	259.808.525	104.000.000	2.866.586.879	4.912.905.596
Tăng vốn năm nay			1.675.816.917	259.808.525	104.000.000		2.039.625.442
Lãi kinh doanh						2.866.586.879	2.866.586.879
Tăng khác		6.693.275			-	-	6.693.275
Giảm trong năm	-	2.010.779	-	-	104.000.000	5.196.170.491	5.302.181.270
Giảm vốn năm nay						2.559.242.491	2.559.242.491
Trả cổ tức cho cổ đông						2.636.928.000	2.636.928.000
Giảm khác		2.010.779			104.000.000		106.010.779
Số dư tại 31/12/2011	17.579.520.000	(2.010.779)	5.057.829.101	736.156.144	-	3.866.586.879	27.238.081.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	9.275.400.000	9.275.400.000
Vốn góp của đối tượng khác	8.304.120.000	8.304.120.000
Cộng	17.579.520.000	17.579.520.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	17.579.520.000	9.766.400.000
Vốn góp tăng trong năm	-	7.813.120.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	17.579.520.000	17.579.520.000

d. Cổ tức

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2011 Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức với tỷ lệ bình quân cả năm là 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2010.

e. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	781.312
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	781.312
Cổ phiếu phổ thông	-	781.312
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.757.952	976.640
Cổ phiếu phổ thông	1.757.952	976.640
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	5.057.829.101	3.382.012.184
Quỹ dự phòng tài chính	736.156.144	476.347.619

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.266.120.000	
Chi sự nghiệp	2.851.600.000	
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(78.966,123)	506.513.877

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	82.235.318.032	133.773.864.461
Cộng	82.235.318.032	133.773.864.461

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần	82.235.318.032	133.773.864.461
Cộng	82.235.318.032	133.773.864.461

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	67.578.051.057	113.590.740.705
Cộng	67.578.051.057	113.590.740.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	969.958.959	782.887.063
Cộng	969.958.959	782.887.063

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.928.551.491	1.166.697.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	537.805
Cộng	2.928.551.491	1.167.235.415

22. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	955.528.959	970.881.637
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	955.528.959	970.881.637

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay Đồng/CP	Năm trước Đồng/CP
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.866.586.879	6.196.170.491
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.866.586.879	6.196.170.491
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.757.952	1.432.405
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.631	4.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.256.119.191	81.523.753.117
Chi phí nhân công	15.582.236.371	24.372.252.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.552.480.766	1.267.059.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.094.055.488	8.586.603.695
Chi phí khác bằng tiền	7.488.290.040	9.240.335.872
Cộng	77.973.181.856	124.990.004.359

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.1 Điều chỉnh hồi tố

Năm 2011, Công ty đã xác định lại luồng tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành, với số tiền lần lượt còn lại là 7.813.120.000 đồng và 0 đồng. Một số chỉ tiêu khác cũng được điều chỉnh lại. Công ty đã áp dụng hồi tố các thay đổi này và trình bày lại số liệu so sánh Báo cáo tài chính của năm trước. Việc điều chỉnh các luồng tiền này làm thay đổi một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010 (sau điều chỉnh)	Năm 2010 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	41.806.471.699	28.837.288.785	12.969.182.914
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(67.119.625.672)	(64.662.172.462)	(2.457.453.210)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.044.429.772)	-	(6.044.429.772)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	6.044.429.772	(6.044.429.772)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.813.120.000	8.691.418.000	(878.298.000)
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.463.133.800)	2.463.133.800
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	1.012.685	(1.012.685)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.693.275)	-	(6.693.275)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

24.2 Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011
Hội đồng quản trị	Giao dịch nội bộ	Thù lao hội đồng quản trị	104.000.000
Cộng			104.000.000

Giao dịch bán

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2011
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	980.000.000
Công ty cổ phần Cao Su Đà Nẵng	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	5.802.545.454
Công ty TNHH một thành Viên DAP-VINACHEM	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu bán hàng	542.704.375
Công ty cổ phần Xà phòng HN	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	238.410.000
Công ty cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	372.000.000
Công ty cao su miền nam	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	756.363.636
Công ty hóa chất cơ bản Miền Nam	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	513.636.364
Công ty phân bón Miền Nam	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	54.545.455
Công ty CP bột giặt LIX	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	790.693.636
Công ty CP hóa chất Việt Trì	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	216.291.745
Công ty cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu bán hàng	22.843.737.265
Công ty TNHH một thành Viên Vật tư và XNK hóa chất	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu bán hàng	60.750.000
Công ty TNHH Hơi kỹ nghệ que hàn	Cùng thuộc tập đoàn	Doanh thu	2.707.206.364
Cộng			35.878.884.294

Công nợ phải trả

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng mỏ	Cùng thuộc tập đoàn	Trả trước	225.975.051
Cộng			225.975.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Công nợ phải thu	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2011
Đối tượng		giao dịch	
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	<i>Phải thu</i>	6.277.520.000
		<i>Ứng trước</i>	2.099.348.790
Công ty cổ phần Cao Su Đà Nẵng	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	508.800.000
		<i>Ứng trước</i>	
Công ty TNHH một thành Viên DAP-VINACHEM	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	85.190.812
		<i>Ứng trước</i>	
Công ty cổ phần Xà phòng HN	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	242.256.000
		<i>Ứng trước</i>	825.000.000
Công ty cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Ứng trước</i>	52.000.000
Công ty cao su miền nam	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Ứng trước</i>	349.800.000
Công ty hóa chất cơ bản Miền Nam	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	49.500.000
Công ty phân bón Miền Nam	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	36.000.000
Công ty CP bột giặt LIX	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	
		<i>Ứng trước</i>	957.987.000
Công ty CP hóa chất Việt Trì	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	10.273.546
Công ty cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	2.385.403.884
Công ty TNHH Hơi kỹ nghệ que hàn	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	491.200.000
Công ty TNHH một thành Viên Vật tư và XNK hóa chất	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Ứng trước</i>	
Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	75.700.005
		<i>Ứng trước</i>	13.410.631.690
Công ty phân bón và hóa chất cần thơ	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	89.700.000
Công ty thuốc sát trùng VN	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Ứng trước</i>	1.361.312.000
Ban quản lý dự án DAP Hải Phòng	Cùng thuộc tập đoàn	<i>Phải thu</i>	954.314.969
		<i>Ứng trước</i>	32.830.000
Cộng			30.294.768.696

24.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 sau khi điều chỉnh hồi tố như thuyết minh tại phần 1 mục 24 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.



Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đình Đức Bộ

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu